

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 7 năm 2018

ĐIỂM THI

PHẦN II: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG
SẢN VIỆT NAM

LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 11, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Hoàng Anh	01	28	7.0	Bảy	
2	Trần Tuấn Anh	02	50	7.0	Bảy	
3	Lý Văn Bắc	03	45	7.5	Bảy rưỡi	
4	Hoàng Thị Chinh	04	77	7.5	Bảy rưỡi	
5	Nguyễn Thị Chuyên	05	76	7.5	Bảy rưỡi	
6	Nguyễn Thành Công	06	55	7.5	Bảy rưỡi	
7	Trần Thị Dịu	07	02	8.5	Tám rưỡi	
8	Triệu Thị Phương Dung	08	14	8.0	Tám	
9	Nguyễn Văn Dũng	09	72	8.0	Tám	
10	Ngô Thị Duyên	10	49	8.0	Tám	
11	Triệu Thị Duyên	11	40	8.0	Tám	
12	Trần Văn Đạt	12	71	8.0	Tám	
13	Triệu Thị Đông	13	35	7.5	Bảy rưỡi	
14	Lê Thị Hằng	14	74	7.5	Bảy rưỡi	
15	Phạm Thị Hạnh	15	07	7.5	Bảy rưỡi	
16	Nguyễn Văn Hiền	16	19	7.5	Bảy rưỡi	
17	Trần Thị Hiểu	17	31	7.5	Bảy rưỡi	
18	Hà Thị Hoa	18	11	7.0	Bảy	
19	Triệu Minh Hòa	19	44	8.0	Tám	
20	Nguyễn Mạnh Hồng	20	08	7.0	Bảy	



5

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
21	Nguyễn Thị Huế	21	22	8.0	Tám	
22	Nguyễn Quốc Hưng	22	39	7.0	Bảy	
23	Bùi Thị Hương	23	06	8.0	Tám	
24	Hà Thị Thu Huyền	24	34	8.0	Tám	
25	Nguyễn Thị Thanh Huyền	25	18	8.0	Tám	
26	Trần Văn Kiểm	26	73	7.5	Bảy rưỡi	
27	Đàm Huyền Kim	27	16	8.0	Tám	
28	Vũ Hồng Lam	28	67	7.0	Bảy	
29	Nguyễn Thị Lâm	29	48	8.0	Tám	
30	Nguyễn Ngọc Liêm	30	03	7.0	Bảy	
31	Vũ Thị Liên	31	54	7.5	Bảy rưỡi	
32	Nguyễn Thị Linh	32	47	8.0	Tám	
33	Hà Quang Lĩnh	33	46	7.5	Bảy rưỡi	
34	Lê Thị Loan	34	32	8.0	Tám	
35	Nguyễn Quang Long	35	17	8.0	Tám	
36	Nguyễn Thị Lựu	36	41	8.0	Tám	
37	Triệu Đức Luyện	37	05	7.0	Bảy	
38	Trần Thu Mến	38	69	8.0	Tám	
39	Vũ Văn Nam	39	65	7.5	Bảy rưỡi	
40	Nguyễn Đình Nam	40	27	7.0	Bảy	
41	Ngô Thị Nga	41	23	8.0	Tám	
42	Nguyễn Trung Nghĩa	42	29	7.5	Bảy rưỡi	
43	Tổng Quang Nghĩa	43	26	7.0	Bảy	
44	Nguyễn Thị Ngọc	44	56	8.0	Tám	
45	Ngô Văn Ngọc	45	25	7.5	Bảy rưỡi	
46	Vũ Thị Tuyết Nhung	46	61	7.5	Bảy rưỡi	
47	Hứa Văn Ninh	47	20	7.5	Bảy rưỡi	
48	Lương Thị Phương	48	60	8.0	Tám	

45

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
49	Nguyễn Văn Quân	49	33	7.5	Bảy rưỡi	
50	Nguyễn Hồng Quang	50	53	7.5	Bảy rưỡi	
51	Trần Thị Đỗ Quyên	51	38	8.5	Tám rưỡi	
52	Đỗ Thanh Sang	52	09	8.0	Tám	
53	Chu Hồng Sơn	53	04	7.0	Bảy	
54	Dương Trường Tân	54	42	7.5	Bảy rưỡi	
55	Lương Văn Thạch	55	70	7.0	Bảy	
56	Lê Văn Thái	56	01	7.5	Bảy rưỡi	
57	Nông Thị Thắm	57	51	8.5	Tám rưỡi	
58	Nguyễn Đức Thành	58	52	8.0	Tám	
59	Đào Thị Thảo	59	58	8.0	Tám	
60	Nông Thị Thảo	60	68	7.5	Bảy rưỡi	
61	Trần Văn Thảo	61	78	7.5	Bảy rưỡi	
62	Quách Mạnh Thế	79	10	7.0	Bảy	
63	Lê Thị Thơm	62	66	7.5	Bảy rưỡi	
64	Nguyễn Thị Hà Thương	63	21	7.5	Bảy rưỡi	
65	Lưu Thị Thủy	64	15	8.0	Tám	
66	Lưu Thị Bích Thủy	65	62	7.5	Bảy rưỡi	
67	Lã Thị Tiến	66	-	-	-	Vắng thi
68	Ngô Sỹ Toàn	67	63	8.0	Tám	
69	Trịnh Thị Trang	68	75	8.0	Tám	
70	Nguyễn Đăng Tự	69	59	8.0	Tám	
71	Chu Văn Tuấn	70	37	7.0	Bảy	
72	Hoàng Anh Tuấn	71	13	8.0	Tám	
73	Hoàng Văn Tuấn	72	12	7.0	Bảy	
74	Trần Văn Tuấn	73	64	7.5	Bảy rưỡi	
75	Vũ Văn Tuấn	74	30	8.0	Tám	
76	Phan Thanh Tùng	75	43	7.5	Bảy rưỡi	

lt

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
77	Trần Thị Tuyết	76	57	7.5	Bảy rưỡi	
78	Lê Thị Hồng Vân	77	24	7.5	Bảy rưỡi	
79	Nguyễn Thanh Xuyên	78	36	7.5	Bảy rưỡi	

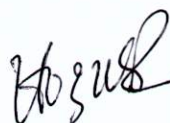
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KHOA XÂY DỰNG ĐẢNG

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Phúc Ái



Ngô Thị Hồng Nhung



Phạm Minh Chuyên

